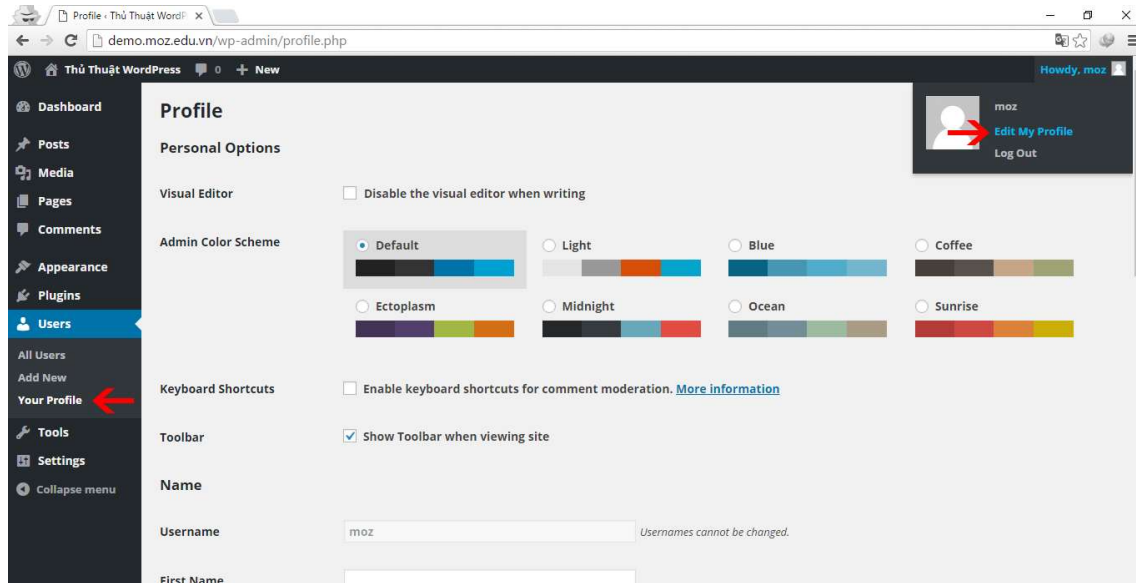


TUẦN 2. Thiết lập cấu hình (Admin - Website - Writing)

1.1 Cấu hình tài khoản admin trong wordpress:

Trong phần này cô sẽ lần lượt hướng dẫn các bạn cấu hình user, tạo user mới cũng như quản lý user vào các nhóm thành viên.



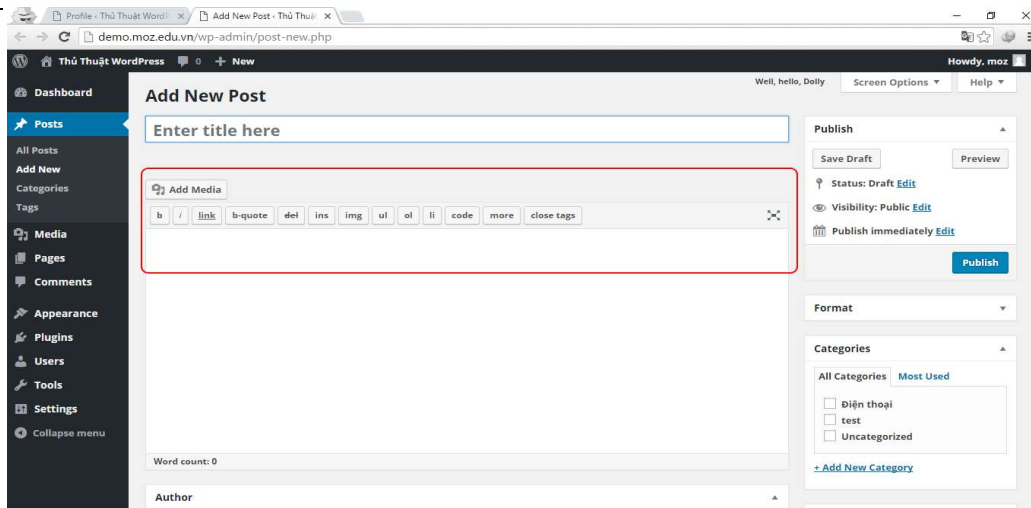
Để cấu hình user của mình cũng như thay đổi những cài đặt, bạn vào **Users > Your Profile**. Hay bạn có thể rê chuột vào user trên menu top rồi chọn **Edit My Profile**.

The screenshot shows the WordPress Profile page with the following numbered annotations:

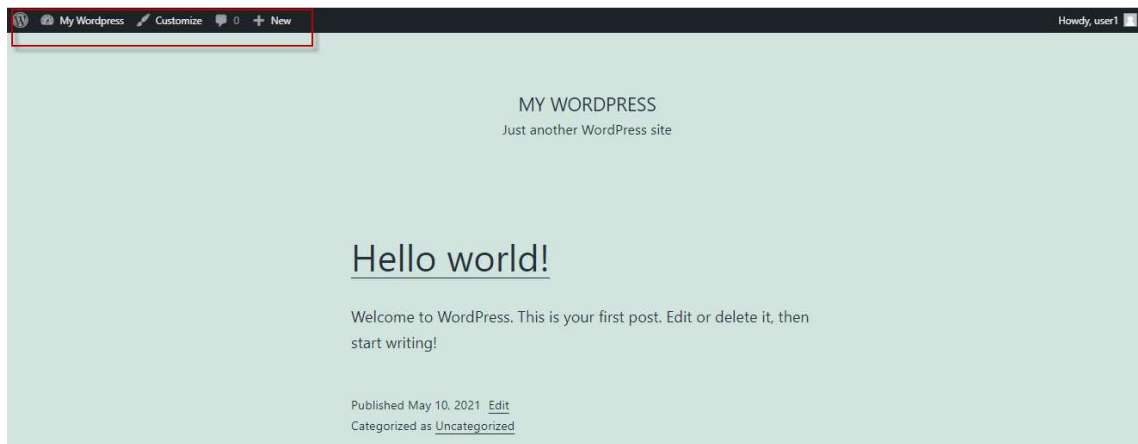
- 1** Visual Editor: Disable the visual editor when writing
- 2** Admin Color Scheme: Radio buttons for Default, Light, Blue, Coffee, Ectoplasm, Midnight, Ocean, Sunrise.
- 3** Keyboard Shortcuts: Enable keyboard shortcuts for comment moderation. [More information](#)
- 4** Toolbar: Show Toolbar when viewing site
- 5** Username: Input field with value 'moz'. Note: *Username cannot be changed.*
- 6** First Name: Input field
- 7** Last Name: Input field
- 8** Nickname (required): Input field with value 'moz'
- 9** Display name publicly as: Dropdown menu with value 'moz'
- 10** Email (required): Input field with value 'mozeduvdemo@gmail.com'
- 11** Website: Input field
- 13** Biographical Info: Text area with placeholder text: *Share a little biographical information to fill out your profile. This may be shown publicly.*
- 14** Profile Picture: Placeholder image with text: *You can change your profile picture on [Gravatar](#).*
- 15** New Password:
- 16** Sessions: . Note: *Did you lose your phone or leave your account logged in at a public computer? You can log out everywhere else, and stay logged in here.*

At the bottom, there is an button and a footer note: *Thank you for creating with WordPress.* and **Version 4.5.3**.

1 Visual Editor : Nếu bạn check vào **Disable the visual editor when writing** thì công cụ **Editor** sẽ **disable**. Lúc này để định dạng khi viết bài bạn sẽ phải dùng công cụ text.



- 2 **Admin Color Scheme** : Thay đổi màu cho trang admin.
- 3 **Keyboard Shortcuts** : Bật phím tắt, bạn có thể xem thêm More information.
- 4 **Toolbar** : bật tắt thanh **Toolbar** của user trên Front-end.

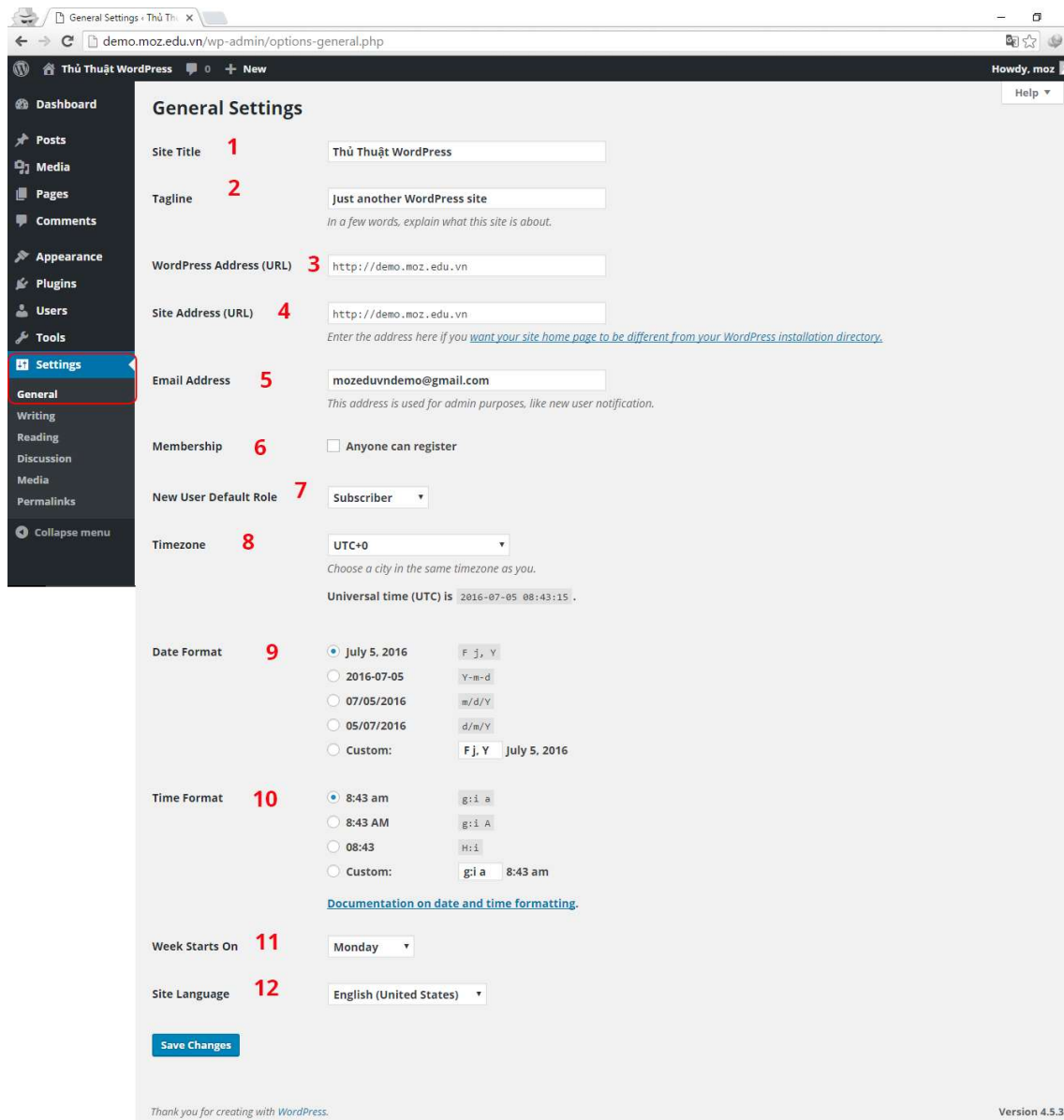


- 5 **Username** : tài khoản để đăng nhập, **username** không sửa được.
- 6 **First Name** : Tên.
- 7 **Last Name** : Họ.
- 8 **Nickname** : Tên hiển thị.
- 9 **Display name publicly as** : Tên hiển thị khi đăng bài. Bạn có thể chọn tên khi đăng bài sẽ hiển thị : **Username, First Name, Last Name, Nickname, First Name + Last Name, Last Name + First Name.**
- 10 **Email** : Địa chỉ email.
- 11 **Website** : Địa chỉ website.
- 13 **Biographical Info** : Tóm tắt tiểu sử.
- 14 **Profile Picture** : Ảnh đại diện, WordPress sử dụng ảnh đại diện của **gravatar**. Bạn vào **gravatar** đăng ký 1 tài khoản để upload ảnh đại diện.
- 15 **New Password** : Thay đổi mật khẩu.
- 16 **Sessions** : Dùng để logout trên tất cả thiết bị khác, trường hợp bạn mất điện thoại, laptop có lưu trữ đăng nhập.

Như vậy, bạn có thể dễ dàng thay đổi thông tin tài khoản đăng nhập của mình, cũng như thêm các thông tin khác, hay thay đổi mật khẩu. Tiếp theo chúng ta sẽ học cách tạo thêm user khác.

2.1 Thiết lập cấu hình website:

Trước tiên, đăng nhập tài khoản admin của mình. Vào **Settings > General**.



1 Site Title : tiêu đề website, ví dụ như “My Wordpress”.

2 Tagline : Phần sẽ nói vào sau title, ví dụ như “Just another WordPress site”

Vậy title trang chủ của mình sẽ là My Wordpress – Just another WordPress site, Phần Tagline chỉ hiển thị trên trang chủ thôi.

3 WordPress Address (URL) : để như mặc định, nó là đường dẫn đến wordpress của bạn. Nếu như không cài đặt WordPress trên thư mục gốc mà cài trong thư mục blog thì WordPress Address của bạn sẽ là domain/blog.

4 Site Address (URL) : Tên miền gốc của bạn, vẫn để mặc định.

5 Email Address : Email của bạn, giúp WordPress gửi thông báo về mail của bạn, Hosting của bạn phải hỗ trợ gửi mail (Hosting đa số đều hỗ trợ).

6 Membership : Mở, tắt chức năng đăng ký thành viên, nếu bạn muốn cho người khác đăng ký thành viên thì check vào ô checkbox **Anyone can register**.

7 New User Default Role : Quyền hạn user đăng ký mặc định:

- Subscriber
- Contributor
- Author
- Editor
- Administrator

Từ trên xuống, quyền sẽ tăng dần .Mục 6 và 7 sẽ nói rõ hơn khi nói về user.

8 Timezone : Múi giờ cho website, Nếu ở Việt Nam thì chọn **UTC + 7**.

9 Date Format : Định dạng ngày hiển thị, có thể chọn 1 trong những cách mặc định hay tạo ở custom.

10 Time Format : Tương tự định dạng thời gian.

11 Week Starts On : Ngày bắt đầu của một tuần, có thể là Monday hay Sunday tùy bạn.

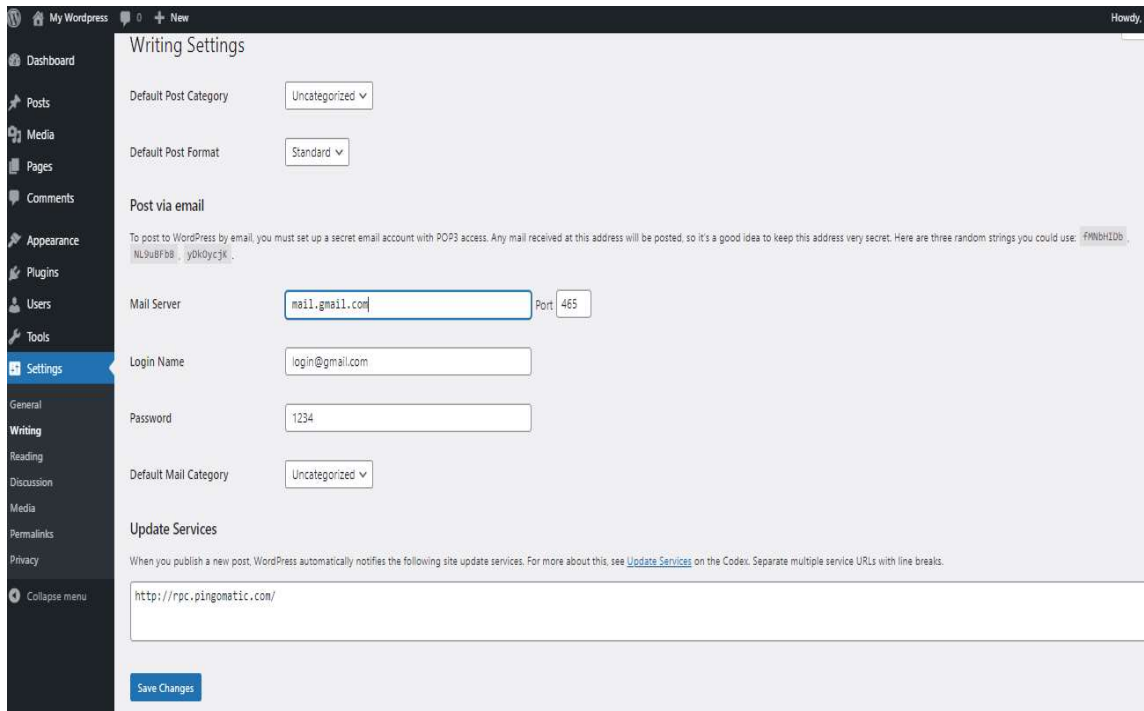
12 Site Language : Ngôn ngữ cho website, Như lúc đầu cài đặt mình nói Ngôn ngữ sau này bạn có thể đổi. Bạn có thể chọn Tiếng Việt nếu muốn.

Như vậy, cô đã hướng dẫn chúng ta **cấu hình chung cho WordPress** trong mục **Settings > General**. Nó là những thiết lập cần thiết sau khi cài đặt. Ở phần sau mình sẽ bắt đầu đi vào hướng dẫn bạn viết bài, tạo page... và bắt đầu xây dựng blog của riêng mình.

3.1 Thiết lập cấu hình cho writing:

Writing: Cài đặt soạn thảo

Các thiết lập trong phần này sẽ tác động trực tiếp đến quy trình soạn và đăng nội dung của bạn trên website.



Default Post Category: Category mặc định của một bài Post nếu bạn quên chọn category khi đăng.

Default Post Format: Loại định dạng post mặc định khi đăng nếu bạn quên chọn.

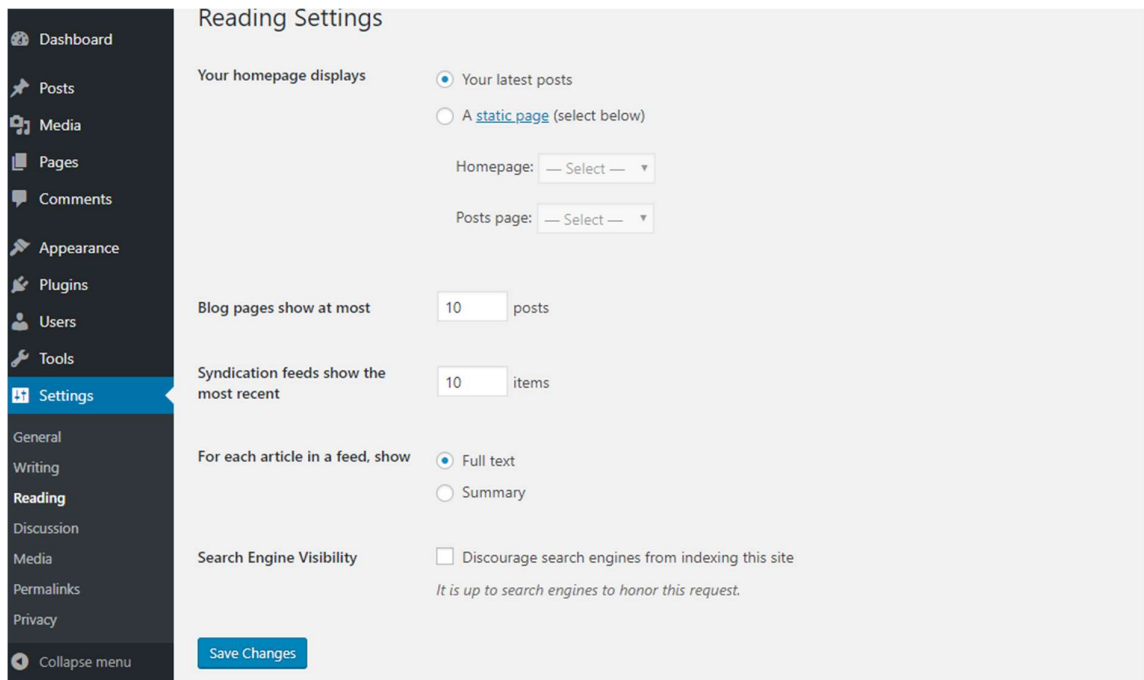
Post via e-mail: Tính năng đăng bài thông qua e-mail.

Update Service: Các dịch vụ ping mà bạn muốn WordPress tự động gửi tín hiệu ping khi có bài mới.

4.1 Thiết lập cấu hình cho reading:

Reading: Cài đặt xem trang

Tác động tới việc hiển thị nội dung trên website.



- **Your homepage displays:** hiển thị tại giao diện trang chủ.
- **Blog pages show at most:** Số lượng post hiển thị ra trang blog. Hiện tại bạn cứ hiểu trang blog nghĩa là một trang hiển thị danh sách các post mới nhất trên website.
- **Syndication feeds show the most recent:** Số lượng post mới được hiển thị tại trang RSS Feed của website (<http://domain/feed>).
- **For each article in a feed, show:** **Full text:** hiển thị nội dung trên RSS Feed với toàn nội dung. **Summary:** hiển thị nội dung trên RSS Feed với bản rút gọn.
- **Search Engine Visibility:** Nếu bạn đánh dấu vào phần này, nghĩa là các bot của các cỗ máy tìm kiếm (Google chẳng hạn) không thể đánh chỉ mục nội dung của bạn, từ đó website của bạn không hiển thị trên kết quả tìm kiếm tại Google.

5.1 Thiết lập cấu hình cho Discussion:

Discussion: Cài đặt bình luận

Tác động đến tính năng bình luận (comments) trên website WordPress của bạn.

The screenshot shows the 'Discussion Settings' panel with the following sections and options:

- Default article settings:**
 - Attempt to notify any blogs linked to from the article
 - Allow link notifications from other blogs (pingbacks and trackbacks)
 - Allow people to post comments on new articles

(These settings may be overridden for individual articles.)
- Other comment settings:**
 - Comment author must fill out name and e-mail
 - Users must be registered and logged in to comment
 - Automatically close comments on articles older than 14 days
 - Enable threaded (nested) comments 5 levels deep
 - Break comments into pages with 50 top level comments per page and the last page displayed by default
 - Comments should be displayed with the older comments at the top of each page
- E-mail me whenever:**
 - Anyone posts a comment
 - A comment is held for moderation
- Before a comment appears:**
 - Comment must be manually approved
 - Comment author must have a previously approved comment

- **Default article settings:** Các thiết lập trong đây sẽ liên quan đến việc bật tính năng liên quan tới bình luận ở dạng mặc định. Các thiết lập này có thể được sửa lại ở từng bài post/page riêng lẻ.
- **Other comment settings:** Các thiết lập khác liên quan tới việc gửi bình luận.
- **E-mail me whenever:** Thiết lập nhận e-mail thông báo về bình luận.
- **Before a comment appears:** Áp dụng trước khi bình luận được hiển thị lên.
- **Comment moderation:** Tự động đưa bình luận vào trạng thái chờ duyệt nếu bình luận đó chứa từ khóa, liên kết, email hoặc địa chỉ IP có trong danh sách này. Mỗi quy tắc chặn đều phải được đặt ở một dòng riêng. Ví dụ nếu bạn viết “Thạch xấu trai” vào khung của phần này thì các bình luận có chữ “Thạch xấu trai” sẽ bị đưa về trạng thái chờ duyệt chứ không hiển thị ngay. Áp dụng cho tên người gửi, email, địa chỉ IP và nội dung bình luận.
- **Comment Blacklist:** Các từ cấm bình luận. Mỗi từ cấm sẽ được khai báo bằng một dòng. Nếu bình luận nào đó chứa từ cấm thì sẽ bị đánh dấu là Spam.
- **Avatars:** Tùy chọn hiển thị ảnh avatar của người gửi bình luận.

6.1 Thiết lập cấu hình cho Media:

Media: Cài đặt Media

Các thiết lập này sẽ ảnh hưởng đến chức năng upload tập tin media (hình ảnh/video/nhạc,..) lên nội dung.

Media Settings

Image sizes

The sizes listed below determine the maximum dimensions in pixels to use when adding an image to the Media Library.

Thumbnail size	Width	<input type="text" value="150"/>
	Height	<input type="text" value="150"/>
	<input checked="" type="checkbox"/> Crop thumbnail to exact dimensions (normally thumbnails are proportional)	
Medium size	Max Width	<input type="text" value="300"/>
	Max Height	<input type="text" value="300"/>
Large size	Max Width	<input type="text" value="1024"/>
	Max Height	<input type="text" value="1024"/>

Uploading Files

Organize my uploads into month- and year-based folders

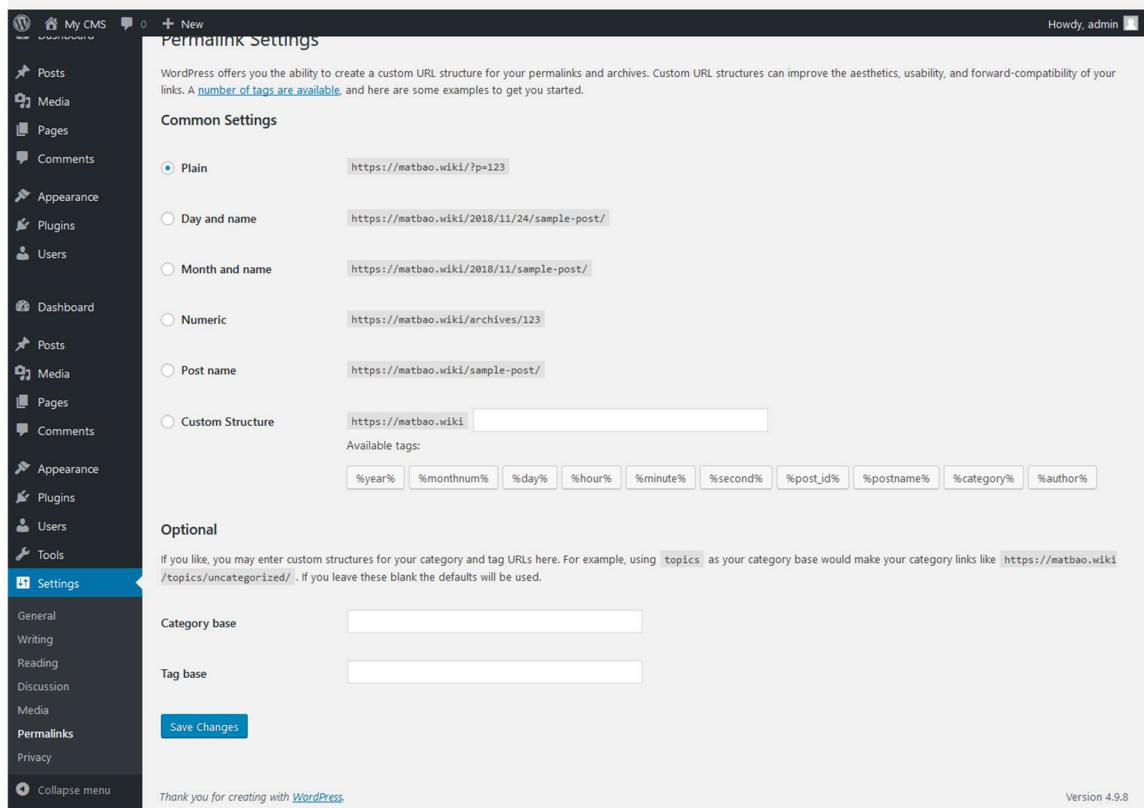
[Save Changes](#)

- **Image sizes:** Các thiết lập trong này sẽ xác định kích thước ảnh mặc định của WordPress được sinh ra sau khi upload một tấm ảnh lên thư viện.
- **Uploading Files:** Thiết lập liên quan tới việc upload tập tin.
- **Organize my uploads into month- and year-based folder:** Tự động đưa các tập tin được upload lên vào thư mục với cấu trúc ngày tháng so với thời gian upload.

7.1 Thiết lập cấu hình cho Permalink Settings:

Permalink Settings: Cài đặt đường dẫn tĩnh

Đây là nơi mà bạn sẽ bật tính năng đường dẫn tĩnh cho toàn bộ website thay vì sử dụng cấu trúc đường dẫn động. Đường dẫn tĩnh nghĩa là địa chỉ Posts, Pages, Categorys, Tags,... của bạn sẽ được biểu diễn bằng tên cụ thể chứ không phải dạng số.



Common Settings: Các thiết lập thông dụng.

- **Default:** Cấu trúc đường dẫn mặc định (đường dẫn động).
- **Day and name:** cấu trúc đường dẫn với kiểu hiển thị đầy đủ ngày tháng đăng post và tên post.
- **Month and name:** cấu trúc đường dẫn với kiểu hiển thị tháng, năm và tên post.
- **Numeric:** Cấu trúc đường dẫn hiển thị ID của post thay vì tên.
- **Post name:** Chỉ hiển thị tên post trên đường dẫn
- **Custom Structure:** Tùy chỉnh cấu trúc đường dẫn tùy ý, xem thêm phần cuối bài viết.

Optional (Các thiết lập tùy chọn không bắt buộc):

- **Category base:** Tên đường dẫn mẹ của các đường dẫn tới trang category. Mặc định nó sẽ là `http://domain/category/tên-category/`, nếu bạn điền “chuyen-muc” vào đây thì nó sẽ hiển thị là `http://domain/chuyen-muc/tên-category`.
- **Tag base:** Tên đường dẫn mẹ của đường dẫn tới các trang tag. Mặc định nó sẽ là `http://domain/tag/tên-tag/`, nếu bạn điền “the” vào đây thì nó sẽ hiển thị là `http://domain/the/tên-tag`.

Vậy chúng ta đã tìm hiểu về lịch sử, cấu trúc của CMS này và các loại WordPress hosting. Các phương pháp cài đặt cũng như những hướng dẫn cơ bản về Dashboard, bài viết, Themes và Plugins.

8.1 Thực hành:

1. Tiến hành cấu hình tài khoản admin, website, writing, reading, discussion, media và permalink như đã học.